TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16/12/2020.
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Lê Thị Sáu**.
2. Bà: **Phan Thị Hà**.
Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Ngọc Anh**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 203/2020/TLHNGĐ-ST ngày 21/10/2020 về việc *"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Khả T, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Lộc thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Lộc thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông T và bà H có tìm hiểu yêu nhau được khoảng 01 năm thì kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 21/01/1994. Hôn nhân tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H nghi nhờ ông T ngoại tình nên vợ chồng thường cải nhau, không ai chịu nhường nhịn ai, đồng thời quan điểm sống của vợ chồng khác nhau. Mau thuẫn kéo dài nhiều năm đến nay không chịu đựng được nữa, vợ chồng đã chia tài sản và ly thân nhiều

tháng nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai nên ông T xin được ly hôn với bà H.

* Về con chung: Ông T trình bày vợ chồng có 02 con chung gồm anh Lê Khả Ngọc, sinh ngày 1994 và chị Lê Thị Huyền, sinh năm 2000. Anh Ngọc và chị Huyền đã trưởng thành, không bị mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết.

* Về tài sản chung: Ông T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Ông T trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà H xác nhận quá trình tìm hiểu và kết hôn như ông T trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng bắt nguồn từ năm 2017, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải nhau và do áp lực về kinh tế gia đình nên khi cải nhau không ai nhường nhịn ai. Mặt khác, do bà H đang thời kỳ mãn kinh nên tính khí nóng nẩy thất thường dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày trầm trọng hơn, vợ chồng đã chia tài sản và sống ly thân nhiều tháng nay, không ai quan tâm đến ai. Tuy nhiên, bà H muốn hàn gắn lại tình cảm, không muốn ly hôn để các con có một gia đình đầy đủ nên bà H không đồng ý ly hôn.

* Về con chung, tài sản chung, nợ chung như ông T trình bày là đúng, bà H không yêu cầu gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ông T và bà H được ly hôn với nhau và buộc ông T phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận Hội đồng xét xử nhận định:

[01] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 21/01/1994; hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của ông T và bà H là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án cả ông T và bà H đều xác nhận vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải nhau, đã chia tài sản và sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Qua xác minh tại địa phương và con trai của vợ chồng ông T, bà H cũng thể hiện điều này. Vì vậy có thể khẳng định hôn nhân của ông T và bà H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu ông T, xử cho ông T và bà H được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung: Các con đã trưởng thành, không bị mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn, theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khả T về việc "*Ly hôn"* với bà Lê Thị H, xử cho ông T và bà H được ly hôn với nhau.

2. Về án phí: Buộc ông T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004625 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Ông T đã nộp xong).

3. Về quyền kháng cáo: Ông T, bà H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16/12/2020) để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2)
- VKS huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND phường Lam Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hà **Lê Thị Sáu** **Nguyễn Văn Linh**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hà **Lê Thị Sáu** **Nguyễn Văn Linh**